

## **Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh**

Báo cáo của Hội đồng quản trị  
và  
Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ernst & Young

# Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

# Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18 tháng 9 năm 1999 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Ngày</u>
Thay đổi lần thứ nhất	Ngày 29 tháng 3 năm 2005
Thay đổi lần thứ hai	Ngày 8 tháng 7 năm 2005
Thay đổi lần thứ ba	Ngày 24 tháng 10 năm 2006
Thay đổi lần thứ tư	Ngày 19 tháng 3 năm 2007
Thay đổi lần thứ năm	Ngày 09 tháng 12 năm 2008

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 149B Trương Định, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và hai chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Công ty đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104002210 ngày 22 tháng 10 năm 2007 để thành lập một công ty mới với tên gọi là Công ty TNHH một thành viên Kỹ nghệ lạnh Á Châu thuộc 100% vốn của Công ty. Công ty mới có trụ sở chính tại Lô 25-27 đường Trung Tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân. Trong năm 2008, công ty mới này được đăng ký như một dự án đầu tư với Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (HEPZA) và nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000103 ngày 02 tháng 04 năm 2008. Vào ngày lập báo cáo này, dự án đầu tư này đang còn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VNĐ Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm	17.770.550	25.866.170
Cổ tức công bố trong năm	12.773.092	4.671.615
Cổ tức đã trả trong năm	13.083.058	3.587.557
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	7.347.258	24.205.650

### CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Vào ngày 25 tháng 06 năm 2008, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 10:7.3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phần được thưởng 7.3 cổ phần) cho tổng số 4.636.824 cổ phiếu đang lưu hành. Ngoài ra Công ty đã công bố cổ tức bằng tiền như sau:

<i>Nội dung</i>	<i>Tổng giá trị cổ tức chi trả (ngàn VNĐ)</i>	<i>Số lượng cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ mỗi cổ phiếu)</i>	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)</i>
Cổ tức đợt 2 năm 2007 (cho đợt vốn là 24 tỷ)	2.036.345	2.395.700	850
Cổ tức đợt 2 năm 2007 (cho đợt vốn tăng lên là 46.38 tỷ)	313.456	2.238.974	140
Cổ tức đợt 1 năm 2008	5.612.541	8.017.916	700
Cổ tức đợt 2 năm 2008	4.810.750	8.017.916	600

# Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Lê Tấn Phước	Thành viên	
Bà Hồ Thị Hoàng Diệu	Thành viên	
Ông Lê Cảnh Đoàn	Thành viên	
Ông Cung Trần Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2008
Ông Nguyễn Quang Chơn	Thành viên	Từ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2008

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trong các báo cáo tài chính.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Đại hội đồng Cổ đông rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

# Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



  
Nguyễn Hữu Thịnh  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Số tham chiếu: 60752807/13563428

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

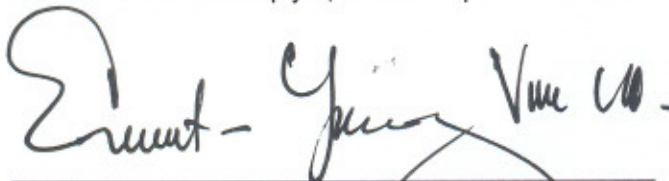
Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 5 đến trang 28. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến kiểm toán*


Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến kiểm toán*

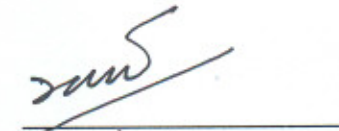
Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Narciso T. Torres Jr.  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: N.0868/KTV



Đặng Hồng Tân  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0489/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>428.070.014</b>	<b>454.752.864</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>53.421.246</b>	<b>228.695.666</b>
111	1. Tiền		53.421.246	228.695.666
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>109.455.337</b>	<b>24.030.876</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	122.829.204	26.220.615
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5	(13.373.867)	(2.189.739)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>175.141.530</b>	<b>160.382.607</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	121.128.577	153.567.553
132	2. Trả trước cho người bán		49.396.293	10.375.042
135	3. Các khoản phải thu khác		8.970.072	1.306.388
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(4.353.412)	(4.866.376)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>87.099.128</b>	<b>39.762.408</b>
141	1. Hàng tồn kho		89.665.025	42.125.326
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.565.897)	(2.362.918)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.952.773</b>	<b>1.881.307</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		23.557	28.049
152	2. Thuế Giá trị Gia tăng được khấu trừ		419.496	1.204.044
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		6.433	4.435
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.503.287	644.779
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>48.168.298</b>	<b>28.473.833</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>1.100</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	1.100
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>35.927.281</b>	<b>21.034.612</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	22.776.960	16.654.135
222	Nguyên giá		55.507.635	47.215.610
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.730.675)	(30.561.475)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	4.253.735	4.284.241
228	Nguyên giá		4.347.582	4.347.582
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(93.847)	(63.341)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.896.586	96.236
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>8.159.310</b>	<b>3.209.913</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	10	17.228.351	3.209.913
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.069.041)	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.081.707</b>	<b>4.228.208</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	294.450	506.571
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	3.787.257	3.721.637
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>476.238.312</b>	<b>483.226.697</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>186.618.844</b>	<b>194.465.281</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>182.486.817</b>	<b>190.981.114</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	-	70.762.143
312	2. Phải trả người bán		39.413.589	33.917.227
313	3. Người mua trả tiền trước		75.112.299	29.701.714
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.441.482	5.571.673
315	5. Phải trả người lao động		13.237.138	11.423.097
316	6. Chi phí phải trả	14	15.291.366	29.503.651
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	25.243.415	3.318.519
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		4.747.528	6.783.090
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.132.027</b>	<b>3.484.167</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	16	1.707.025	3.157.025
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.425.002	327.142
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>289.619.468</b>	<b>288.761.416</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>286.832.428</b>	<b>285.383.595</b>
411	1. Vốn cổ phần		80.200.660	46.368.240
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		188.826.182	188.826.182
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		(64.500)	(64.500)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		8.139.953	24.848.023
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		2.382.875	1.200.000
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.347.258	24.205.650
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>17.1</b>	<b>2.787.040</b>	<b>3.377.821</b>
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.787.040	3.377.821
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>476.238.312</b>	<b>483.226.697</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngàn VND

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- USD	110.945	22.250
- JPY	972	1.214
- AUD	4	2
- EUR	14.995	65
- GBP	41	43



Huỳnh Ngọc Anh Tuấn  
Kế toán trưởng




Lê Tấn Phước  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	18.1	391.993.626	399.478.414
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(180.811)	(157.001)
10	3. Doanh thu thuần	18.1	391.812.815	399.321.413
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(330.919.151)	(335.659.075)
20	5. Lợi nhuận gộp		60.893.664	63.662.338
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	24.258.357	9.133.581
22	7. Chi phí tài chính	20	(29.422.526)	(10.342.798)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.138.392)	(4.962.090)
24	8. Chi phí bán hàng		(767.698)	(582.321)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(32.371.130)	(30.662.265)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.590.667	31.208.535
31	11. Thu nhập khác		552.050	443.688
32	12. Chi phí khác		(727.257)	(707.018)
40	13. Lỗ khác		(175.207)	(263.330)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.415.460	30.945.205
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(4.710.530)	(2.223.831)
52	16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	21.3	65.620	(2.855.204)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.770.550	25.866.170
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		2.22	3.23



Huỳnh Ngọc Anh Tuấn  
Kế toán trưởng



Lê Tân Phước  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>22.415.460</b>	<b>30.945.205</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao/khấu trừ tài sản cố định	8,9	3.623.978	4.690.416
03	Các khoản dự phòng		19.943.184	2.691.729
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		89.061	12.517
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.684.892)	(7.111.298)
06	Chi phí lãi vay		1.138.392	4.962.090
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>27.525.183</b>	<b>36.190.659</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(8.794.299)	(75.131.619)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(52.204.693)	21.923.146
11	Tăng các khoản phải trả		53.330.691	2.880.259
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		216.613	(52.243)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.138.392)	(4.962.090)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(1.898.350)	(10.673.670)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.818.459	4.079.443
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(8.348.152)	(4.905.081)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>14.507.060</b>	<b>(30.651.196)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(5.806.580)	(2.886.152)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		364.461	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(119.529.057)	(41.103.749)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		7.147.474	24.211.349
25	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.337.423	8.133.155
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(104.486.279)</b>	<b>(11.645.397)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	211.149.972
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		54.260.433	148.917.520
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(126.472.576)	(109.065.363)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.083.058)	(3.587.557)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(85.295.201)	247.414.572
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(175.274.420)	205.117.979
60	Tiền đầu năm		228.695.666	23.594.688
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		-	(17.001)
70	Tiền cuối năm	4	53.421.246	228.695.666



Huỳnh Ngọc Anh Tuấn  
Kế toán trưởng




Lê Tấn Phước  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18 tháng 9 năm 1999, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>	<i>Ngày</i>
Thay đổi lần thứ nhất	Ngày 29 tháng 3 năm 2005
Thay đổi lần thứ hai	Ngày 8 tháng 7 năm 2005
Thay đổi lần thứ ba	Ngày 24 tháng 10 năm 2006
Thay đổi lần thứ tư	Ngày 19 tháng 3 năm 2007
Thay đổi lần thứ năm	Ngày 09 tháng 12 năm 2008

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng. Công ty có trụ sở chính tại số 149B Trương Định, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng, Việt Nam.

Công ty đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104002210 ngày 22 tháng 10 năm 2007 để thành lập một công ty mới với tên gọi là Công ty TNHH một thành viên Kỹ nghệ lạnh Á Châu thuộc 100% vốn của Công ty. Công ty mới có trụ sở chính tại Lô 25-27 đường Trung Tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân. Trong năm 2008, công ty mới này được đăng ký như một dự án đầu tư với Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (HEPZA) và nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000103 ngày 02 tháng 04 năm 2008. Vào ngày lập các báo cáo tài chính này, dự án đầu tư ngày đang còn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.4 Đồng tiền kế toán**

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

**Dự phòng cho hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

#### 3.6 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa	3 – 30 năm
Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm	3 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Tài sản cố định khác	6 – 12 năm

#### 3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, bao gồm tài sản cố định hữu hình đang xây dựng, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được kết chuyển sang tài sản cố định và trích khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan, trừ khi Công ty có thể ước đoán một cách đáng tin cậy rằng người lao động cụ thể được hưởng các chính sách ưu đãi đủ để họ làm việc tại Công ty cho đến khi nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí từ Quỹ Bảo hiểm xã hội.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

*Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi khác, v.v..

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 3.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi ngân hàng	53.178.912	228.185.120
Tiền mặt	242.334	510.546
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.421.246</b>	<b>228.695.666</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	101.850.000	-
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	20.979.204	26.220.615
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(13.373.867)	(2.189.739)
Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>109.455.337</u>	<u>24.030.876</u>

	<u><i>Số cuối năm</i></u>		<u><i>Số đầu năm</i></u>	
	<i>Số</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số</i>	<i>Giá trị</i>
	<i>lượng</i>		<i>lượng</i>	
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E (REE)	77.800	5.271.884	10.000	1.610.015
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC)	70.000	3.780.000	70.000	3.780.000
NHTM Cổ phần Á Châu	16.942	745.660	-	-
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất dầu khí	6.500	395.278	-	-
NHTM Cổ phần Sài Gòn Thương tín (STB)	-	-	37.400	2.867.634
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SVC)	-	-	4.000	443.506
Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	-	-	1.000	258.645
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
NHTM Cổ phần Phương Đông	120.494	3.350.527	905	3.350.528
NHTM Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	82.034	3.230.702	422	3.230.702
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	31.350	1.582.485	30.000	1.582.500
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	28.500	1.130.168	28.500	1.130.175
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Yên	12.500	812.500	12.500	812.500
Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	10.000	680.000	10.000	680.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng COTEC	-	-	13.960	4.160.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Minh Hải	-	-	3.679	1.866.947
Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Đà Nẵng	-	-	49.466	444.463
<b>Trái phiếu</b>				
Công trái	-	-	-	3.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>20.979.204</u></b>		<b><u>26.220.615</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ hợp đồng xây dựng	120.412.894	152.949.628
Phải thu khách hàng thương mại và dịch vụ	715.683	617.925
	<u>121.128.577</u>	<u>153.567.553</u>
<i>Trừ:</i> Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.353.412)	(4.866.376)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>116.775.165</u></b>	<b><u>148.701.177</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.667.307	14.443.216
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	33.015.899	18.916.449
Hàng mua đang đi trên đường	4.459.626	8.138.003
Thành phẩm	2.522.193	627.658
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>89.665.025</u></b>	<b><u>42.125.326</u></b>

**Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	2.362.918	2.692.831
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	585.596	372.001
<i>Trừ:</i> Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(382.617)	(701.914)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	<u>2.565.897</u>	<u>2.362.918</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Ngàn VNĐ

	<i>Nhà cửa. vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số dư đầu năm	17.450.340	18.802.330	5.471.830	4.202.023	1.289.087	47.215.610
- Mua trong năm	123.236	1.260.514	3.563.822	181.097	-	5.128.669
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	4.810.386	-	-	-	4.810.386
- Thanh lý, nhượng bán	(41.333)	(17.500)	(1.113.693)	(474.504)	-	(1.647.030)
Số dư cuối năm	<u>17.532.243</u>	<u>24.855.730</u>	<u>7.921.959</u>	<u>3.908.616</u>	<u>1.289.087</u>	<u>55.507.635</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>						
Số dư đầu năm	8.845.433	15.622.989	2.873.726	2.774.944	444.383	30.561.475
Khấu hao trong năm	605.370	1.426.881	841.347	567.816	152.058	3.593.472
Thanh lý, nhượng bán	(1.705)	(17.500)	(939.992)	(465.075)	-	(1.424.272)
Số dư cuối năm	<u>9.449.098</u>	<u>17.032.370</u>	<u>2.775.081</u>	<u>2.877.685</u>	<u>596.441</u>	<u>32.730.675</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số dư đầu năm	<u>8.604.907</u>	<u>3.179.341</u>	<u>2.598.104</u>	<u>1.427.079</u>	<u>844.704</u>	<u>16.654.135</u>
Số dư cuối năm	<u>8.083.145</u>	<u>7.823.360</u>	<u>5.146.878</u>	<u>1.030.931</u>	<u>692.646</u>	<u>22.776.960</u>

# Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất và chi phí đền bù giải tỏa</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư đầu và cuối năm	74.810	4.272.772	4.347.582
<b>Giá trị hao mòn:</b>			
Số dư đầu năm	2.078	61.263	63.341
Tăng trong năm	5.569	24.937	30.506
Số dư cuối năm	<u>7.647</u>	<u>86.200</u>	<u>93.847</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số dư đầu năm	<u>72.732</u>	<u>4.211.509</u>	<u>4.284.241</u>
Số dư cuối năm	<u><u>67.163</u></u>	<u><u>4.186.572</u></u>	<u><u>4.253.735</u></u>

## 10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SVC)	254.399	3.847.032	228.500	2.977.864
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam	60.000	6.366.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec	13.960	4.159.996	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải	51.506	1.866.938	-	-
Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	71.950	669.325	-	-
Công ty Cổ phần thủy sản Năm Căn	31.906	319.060	23.204	232.049
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u><b>17.228.351</b></u>		<u><b>3.209.913</b></u>

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	506.571	381.671
Tăng trong năm	116.293	549.280
Số phân bổ trong năm	<u>(328.414)</u>	<u>(424.380)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>294.450</b></u>	<u><b>506.571</b></u>

## Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	-	69.286.419
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	-	1.475.724
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>70.762.143</b>

### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21.2)	3.529.222	717.042
Thuế giá trị gia tăng	3.681.909	3.244.292
Thuế thu nhập cá nhân	1.998.442	-
Thuế xuất, nhập khẩu	44.860	26.618
Các loại thuế khác	187.049	1.583.721
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.441.482</b>	<b>5.571.673</b>

### 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trích trước cho các công trình	14.925.553	29.056.419
Chi phí hoạt động khác	365.813	447.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.291.366</b>	<b>29.503.651</b>

### 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu hoãn lại	16.037.753	-
Các khoản phải trả cho đội thi công	6.939.283	1.119.434
Tiền bảo hành giữ lại	688.826	575.109
Kinh phí công đoàn, BHXH & BHYT	324.359	270.403
Phải trả về cổ phần hóa	170.195	566.411
Cổ tức phải trả	137.123	447.089
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	945.876	340.073
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.243.415</b>	<b>3.318.519</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	<u>1.707.025</u>	<u>4.632.749</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	1.475.724
<i>Vay dài hạn</i>	1.707.025	3.157.025

#### Các khoản vay ngân hàng dài hạn

					Ngàn VNĐ
<i>Bên cho vay</i>	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>	
<i>Ngân hàng Nông nghiệp &amp; Phát triển nông thôn – Chi nhánh Đà Nẵng</i>					
<i>HĐ Vay số 01DH/03 CP155 ngày 08/10/2003</i>	1.707.025	96 tháng kể từ tháng 10 năm 2003	Lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng + 0.2%/tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo PL thể chấp TSCĐ số 01/DH/03CP155/PL 1 ngày 07/03/2005	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><u>1.707.025</u></u>				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Ngàn VNĐ

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>								
Số dư đầu năm	12.000.000	65.950	(64.500)	21.693.736	1.200.000	21.513.882	2.077.613	58.486.681
Chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sang vốn cổ phần	11.978.500	-	-	(11.978.500)	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới trong năm	22.389.740	188.760.232	-	-	-	-	-	211.149.972
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	25.866.170	-	25.866.170
Cổ tức công bố và chi trả	-	-	-	-	-	(4.671.615)	-	(4.671.615)
<i>Trích lập</i>								
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	15.132.787	-	(15.132.787)	-	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	(3.370.000)	3.370.000	-
<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.008.584)	(2.008.584)
Giảm khác trong quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(61.208)	(61.208)
Số dư cuối năm	<u>46.368.240</u>	<u>188.826.182</u>	<u>(64.500)</u>	<u>24.848.023</u>	<u>1.200.000</u>	<u>24.205.650</u>	<u>3.377.821</u>	<u>288.761.416</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tổng cộng
<b>Năm nay:</b>								
Số dư đầu năm	46.368.240	188.826.182	(64.500)	24.848.023	1.200.000	24.205.650	3.377.821	288.761.416
Phát hành cổ phiếu mới trong năm từ quỹ đầu tư phát triển	33.832.420	-	-	(33.832.420)	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	17.770.550	-	17.770.550
Cổ tức công bố và chi trả	-	-	-	-	-	(12.773.092)	-	(12.773.092)
<i>Trích lập</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	17.124.350	-	(17.124.350)	-	-
<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	-	-	-	-	1.182.875	(1.182.875)	-	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	(3.548.625)	3.548.625	-
Chi trả khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.078.198)	(4.078.198)
Giảm khác trong quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(61.208)	(61.208)
Số dư cuối năm	<u>80.200.660</u>	<u>188.826.182</u>	<u>(64.500)</u>	<u>8.139.953</u>	<u>2.382.875</u>	<u>7.347.258</u>	<u>2.787.040</u>	<u>289.619.468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Cổ phiếu**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>8.020.066</b>	<b>4.636.824</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>8.020.066</b>	<b>4.636.824</b>
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	8.020.066	4.636.824
<b>Số lượng cổ phiếu ngân quỹ</b>		
<i>Cổ phiếu ngân quỹ do công ty nắm giữ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	2.150	2.150
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	8.017.916	4.634.674

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ 10.000/cổ phiếu (2007: VNĐ 10.000/cổ phiếu).

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VNĐ Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>391.993.624</b>	<b>399.478.414</b>
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán hàng	5.478.627	5.699.143
Doanh thu hợp đồng xây dựng	385.574.489	393.053.944
Doanh thu khác	940.508	725.327
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(180.811)	(157.001)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>391.812.815</b>	<b>399.321.413</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	5.297.818	5.699.143
Doanh thu hợp đồng xây dựng	385.574.489	392.896.943
Doanh thu khác	940.508	725.327

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VNĐ Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.205.979	1.064.203
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.184.761	764.615
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	896.494	6.627.689
Cổ tức, lợi nhuận được chia	837.746	569.724
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	120.261	70.790
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.116	36.560
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.258.357</b>	<b>9.133.581</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	326.782.028	332.144.129
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.934.144	3.844.859
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	202.979	(329.913)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>330.919.151</u></b>	<b><u>335.659.075</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	20.253.169	2.189.739
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.408.298	1.974.345
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.394.028	1.126.965
Lãi tiền vay	1.138.392	4.962.090
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	209.322	66.306
Chi phí tài chính khác	19.317	23.353
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.422.526</u></b>	<b><u>10.342.798</u></b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo các mức thuế suất khác nhau tính trên lợi nhuận chịu thuế từ các địa điểm kinh doanh khác nhau như 28% áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, 20% áp dụng cho Đà Nẵng.

**21.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	4.710.530	2.223.831
Thuế thu nhập hoãn lại	(65.620)	2.855.204
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.644.910</u></b>	<b><u>5.079.035</u></b>

**21.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải trả**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải trả**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty.

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>22.415.460</b>	<b>30.945.205</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí phải trả chưa thanh toán	14.335.772	11.178.704
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.084.761	64.828
Lỗi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	196.196	66.306
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	98.000	97.000
Chi phí phải trả năm trước thanh toán trong năm nay	(15.840.622)	(25.936.333)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(837.746)	(569.964)
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	(28.798)	(63.834)
Các khoản khác	243.891	48.461
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>22.666.914</b>	<b>15.830.373</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành, thuế suất 28%</b>	<b>6.346.736</b>	<b>4.432.504</b>
Chênh lệch giữa mức thuế thuế thông thường (28%) và mức thuế suất ưu đãi (20%) áp dụng cho thu nhập từ Đà Nẵng	(960.268)	(981.633)
Thuế TNDN áp dụng cho Đà Nẵng được giảm trong năm	(675.938)	(1.227.040)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.710.530</b>	<b>2.223.831</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	717.042	9.166.882
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.898.350)	(10.673.670)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>3.529.222</b>	<b>717.042</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ/năm báo cáo và kỳ/năm trước như sau:

	Ngàn VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí xây dựng trích trước	3.327.385	3.698.168	(370.783)	(2.875.203)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	357.040	18.152	338.888	18.152
Các khoản khác	102.832	5.317	97.515	1.847
	<b>3.787.257</b>	<b>3.721.637</b>		
<b><i>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</i></b>			<b>65.620</b>	<b>(2.855.204)</b>

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
		<i>Giá trị</i>
Hội đồng quản trị Ban Giám Đốc	Tiền thù lao Lương	102.000 3.726.675

**23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Ngàn VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.770.550	25.866.170
Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông loại trừ số cổ phiếu quỹ và đã được điều chỉnh số cổ phiếu thưởng	8.017.916	8.017.916
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	2,22	3,23

# Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


## 24. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

### Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

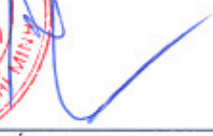
Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có khoản cam kết 13.226.219 ngàn đồng Việt Nam ( Năm 2007 là 31.301.697 ngàn đồng Việt Nam) liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới và chi phí xây dựng nhà xưởng mới tại Khu công nghiệp Tân Tạo, TP Hồ Chí Minh.

## 25. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 31 tháng 03 năm 2009.

  
\_\_\_\_\_  
Huỳnh Ngọc Anh Tuấn  
Kế toán trưởng



  
\_\_\_\_\_  
Lê Tấn Phước  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2009